

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Môi trường và Vật liệu xây dựng,.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng, Thủ trưởng các Vụ, Cục, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- UBND tỉnh, thành phố;
- VP Bộ XD;
- Công TTĐT Bộ XD;
- Trung tâm CNTT-BXD;
- Lưu: VT, KHCNMT & VLXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Sinh**

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**  
**TRONG LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2026  
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI TRONG LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

| <b>Mã TTHC</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                   | <b>Tên VBQPPL quy định nội dung mới, nội dung sửa đổi, bổ sung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>Cơ quan thực hiện</b>                                                                 |
|----------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
|                | Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2 nhập khẩu | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</li> <li>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</li> </ul> | Sở Xây dựng (Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu) |

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHÓM 2 NHẬP KHẨU**

**1. Trình tự thực hiện**

a) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu theo quy định đến cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là cơ quan kiểm tra).

b) Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 02 của Quyết định này và xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu và xử lý như sau:

- Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu áp dụng kiểm tra nhà nước

về chất lượng trước khi thông quan

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu;

- Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp (Giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định cấp), dấu hợp quy, nhãn hàng hóa (đối với hàng hóa phải ghi nhãn) và các tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa cần kiểm tra:

- + Kiểm tra sự phù hợp của nội dung chứng chỉ chất lượng của lô hàng nhập khẩu so với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các quy định hiện hành; kiểm tra tính chính xác và đồng bộ về thông tin của bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng;

- + Kiểm tra các nội dung bắt buộc ghi trên mẫu nhãn (và nhãn phụ) bao gồm tên hàng hóa, tên địa chỉ của tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa; xuất xứ của hàng hóa và các nội dung khác quy định cho từng loại hàng hóa; sự phù hợp của mẫu nhãn với bộ hồ sơ nhập khẩu lô hàng;

- + Kiểm tra vị trí, màu sắc, kích thước và ngôn ngữ trình bày của nhãn;

- + Kiểm tra việc thể hiện dấu hợp quy được trình bày trực tiếp trên sản phẩm, hàng hóa hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hóa;

- Kiểm tra văn bản chấp thuận theo quy định của bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 mang đặc tính mới có khả năng gây mất an toàn mà chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, cơ quan kiểm tra phải ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 của Quyết định này, gửi tới người nhập khẩu để làm thủ tục thông quan cho lô hàng;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp, cơ quan kiểm tra xử lý như sau:

- Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 của Quyết định này, trong thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới người nhập khẩu, đồng thời yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan kiểm tra chỉ cấp thông báo lô hàng nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng khi người nhập khẩu có bằng chứng khắc phục;

- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không

đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 của Quyết định này, trong thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới cơ quan hải quan và người nhập khẩu. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để xử lý theo quy định;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu trong Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc, nếu quá thời hạn mà vẫn chưa bổ sung đủ hồ sơ thì người nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

- Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 03 của Quyết định này. Trong thông báo nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ” gửi tới người nhập khẩu và cơ quan hải quan. Đồng thời chủ trì, phối hợp cơ quan kiểm tra có thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất về chất lượng hàng hóa tại cơ sở của người nhập khẩu.

b) Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu áp dụng kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan

b1) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu. Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa;

b2) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (riêng đối với nhóm sản phẩm xi măng, phụ gia cho xi măng, bê tông và vữa là 35 ngày) kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận hợp quy và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa (được thực hiện bởi tổ chức chứng nhận hợp quy và tổ chức thử nghiệm đã có tên trong bản đăng ký) nộp cho Cơ quan kiểm tra.

b3). Trường hợp, hàng hóa đã được tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật cho cơ quan kiểm tra.

Người nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bảo đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, người nhập khẩu phải kịp thời báo cáo cơ quan kiểm tra, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật.

## ***2. Cách thức thực hiện***

- Nộp hồ sơ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp các hệ thống này gặp sự cố hoặc trường hợp bất khả kháng khiến không thể trao đổi thông tin điện tử, việc xử lý được thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (nộp Bằng hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp).

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu theo Mẫu số 01 của Quyết định này;

- Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có);

- Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có);

- Bản sao chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có);

- Bản sao giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có),

- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định);

- Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).

- Giấy chứng nhận hợp quy (đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu áp dụng kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định cấp), trong đó có các thông tin liên quan đến hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu. Trường hợp Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho lô hàng, phải có các thông tin liên quan đến lô hàng nhập khẩu (tên hàng hóa; nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; khối lượng/số lượng; tờ khai hàng hóa nhập khẩu; hóa đơn);

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

### **4. Thời hạn giải quyết**

01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**

Tổ chức, cá nhân.

### **6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Xây dựng (Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng): Nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh (hoặc nơi đặt văn phòng đại diện, chi nhánh, nhà máy sản xuất); Nơi có

cửa khẩu được doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa; Nơi doanh nghiệp làm thủ tục hải quan đối với lô hàng hóa.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

### ***7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính***

Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

**8. Phí, lệ phí:** không.

### ***9. Tên mẫu đơn, tờ khai, kết quả thủ tục hành chính***

- Bản Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 01 của Quyết định này;

- Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 02 của Quyết định này;

- Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 03 của Quyết định này.

### ***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính***

- Sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng nhập khẩu thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2023/BXD do Bộ Xây dựng ban hành.

- Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải được đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Xây dựng chỉ định hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký.

### ***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN16:2023/BXD.

- Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

- Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 118/2025/NĐ-CP thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ KIỂM TRA**  
**NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

Kính gửi ..... (tên cơ quan kiểm tra) .....

Người nhập khẩu: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

| Số TT | Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại | Đặc tính kỹ thuật | Xuất xứ | Nhà sản xuất | Khối lượng/số lượng | Cửa khẩu nhập | Thời gian nhập khẩu |
|-------|------------------------------------|-------------------|---------|--------------|---------------------|---------------|---------------------|
|       |                                    |                   |         |              |                     |               |                     |

Địa chỉ tập kết hàng hóa: .....

Hồ sơ nhập khẩu gồm: .....

Hợp đồng (Contract) số: .....

- Danh mục hàng hóa (Packing list) (nếu có): .....

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu: .....

do .....Tổ chức .....cấp ngày: ...../...../.....tại: .....

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số: .....do Tổ chức chứng nhận: .....cấp ngày: ...../...../..... tại: .....

- Hóa đơn (Invoice) (nếu có) số: .....

- Vận đơn (Bill of Lading) (nếu có) số: .....

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có) số: .....

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số: .....

- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có) số: .....

- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật..... và tiêu chuẩn công bố áp dụng .....

**(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)**

Vào sổ đăng ký: Số.../(Tên viết tắt của CQKT)

.....ngày... tháng ... năm 20...

(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên, đóng dấu)

.....ngày... tháng ... năm 20...

**(NGƯỜI NHẬP KHẨU)**

(Ký tên, đóng dấu)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../(CQKT)

**PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ  
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

| STT | Hạng mục kiểm tra                                                | Có/Không                 |                          | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------|
|     |                                                                  | Có                       | Không                    |         |
| 1   | Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 2   | Hợp đồng (Contract) (bản sao).                                   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 3   | Danh mục hàng hóa (Packing list) kèm theo hợp đồng (bản sao).    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 4   | Bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.1. Giấy chứng nhận hợp quy                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.2. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.3. Giấy giám định chất lượng lô hàng                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 5   | Hóa đơn (Invoice)                                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 6   | Vận đơn (Bill of Lading)                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 7   | Tờ khai hàng hóa nhập khẩu                                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 8   | Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O-Certificate of Origin)              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 9   | Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa                                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 10  | Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 11  | Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 12  | Nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |

**KẾT LUẬN**

- ☐ Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.
- ☐ Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục:..... trong thời gian 15 ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)  
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-.....

..., ngày ... tháng ... năm 20...

## THÔNG BÁO

### Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

| Số TT | Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại | Đặc tính kỹ thuật | Xuất xứ, Nhà sản xuất | Khối lượng / số lượng | Đơn vị tính | Ghi chú |
|-------|------------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|-------------|---------|
|       |                                    |                   |                       |                       |             |         |

- Cửa khẩu nhập: .....
- Thời gian nhập khẩu: .....
- Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:
  - + Hợp đồng số: .....
  - + Danh mục hàng hóa số: .....
  - + Hóa đơn số: .....
  - + Vận đơn số: .....
  - + Tờ khai hàng nhập khẩu số: .....
  - + Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O): .....
  - + Giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS
- Người nhập khẩu: .....
- Giấy đăng ký kiểm tra số: ..... ngày .....tháng..... năm 20.....
- Căn cứ kiểm tra:
  - + Tiêu chuẩn công bố áp dụng: .....
  - + Quy chuẩn kỹ thuật: .....
  - + Quy định khác: .....
- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận/giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu số:..... do tổ chức ..... cấp ngày: .... / ..... / ..... tại: .....

### KẾT QUẢ KIỂM TRA

Ghi một trong các nội dung:

Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì nêu lý do và các yêu cầu khác nếu có

Hoặc Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ

Hoặc Lô hàng đề nghị đánh giá sự phù hợp lại tại .....

Hoặc Lô hàng chờ CQKT tiến hành lấy mẫu và thử nghiệm.

Nơi nhận:

- Người nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, (Viết tắt tên CQKT).

**CƠ QUAN KIỂM TRA**